**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA**

**SỞ TƯ PHÁP**

**TÀI LIỆU TUYÊN TRUYỀN**

**NGHỊ QUYẾT SỐ 70/2023/NQ-HĐND NGÀY 08/12/2023 CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH “QUY ĐỊNH MỨC CHI BẢO ĐẢM CHO CÔNG TÁC PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT, CHUẨN TIẾP CẬN PHÁP LUẬT VÀ HÒA GIẢI Ở CƠ SỞ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH SƠN LA**

Nghị quyết số 70/2023/NQ-HĐND đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Sơn La Khóa XV, Kỳ họp thức tám thông qua ngày 08/12/2023 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2024.

**I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT**

**1. Căn cứ pháp lý**

- Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

- Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

- Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

- Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách Nhà nước;

- Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

- Căn cứ khoản 1 Điều 5 Thông tư số 56/2023/TT-BTC ngày 18 tháng 8 năm 2023 của Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở.

**2. Cơ sở thực tiễn**

- Mức chi cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và chuẩn tiếp cận pháp luật của người dân tại cơ sở trên địa bàn tỉnh được HĐND tỉnh quyết nghị tại Nghị quyết số 100/2019/NQ-HĐND ngày 16/7/2019, Nghị quyết được xây dựng theo nội dung phân cấp tại Thông tư Liên tịch số 14/2014/TTLT-BTC-BTP ngày 27/01/2014 của Liên Bộ: Tài chính - Tư pháp;

- Mức chi thực hiện công tác hòa giải ở cơ sở trên địa bàn được HĐND tỉnh quyết nghị tại Nghị quyết số 102/2019/NQ-HĐND ngày 16/7/2019, mức chi tại Nghị quyết được xây dựng theo nội dung phân cấp tại Thông tư Liên tịch số 100/2014/TTLT-BTC-BTP ngày 30/7/2014 của Liên Bộ: Tài chính - Tư pháp.

- Quá trình triển khai thực hiện, đã đạt được kết quả quan trọng trong hoạt động của Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật các cấp mà ngành Tư pháp là nòng cốt đã phát huy được sức mạnh tổng hợp của các tổ chức đoàn thể xã hội và toàn dân; công tác hòa giải ở cơ sở góp phần giải quyết kịp thời các mâu thuẫn, tranh chấp trong gia đình, cộng đồng dân cư; khôi phục, duy trì, củng cố tình đoàn kết trong nội bộ nhân dân, phòng ngừa, hạn chế vi phạm pháp luật, tội phạm, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội.

- Tổng số kinh phí thực tế đã chi từ NSNN cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở từ năm 2019 đến năm 2023 là: 25.620,755 triệu đồng *(Cấp tỉnh: 7.068,625 triệu đồng, Cấp huyện: 18.552,13 triệu đồng)* đáp ứng kịp thời yêu cầu, nhiệm vụ thực hiện tại cơ sở và phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách địa phương.

- Ngày 18/8/2023, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 56/2023/TT-BTC quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở và thay thế Thông tư Liên tịch số 14/2014/TTLT-BTC-BTP ngày 27/01/2014 và Thông tư Liên tịch số 100/2014/TTLT-BTC-BTP ngày 30/7/2014 của Liên Bộ: Tài chính - Tư pháp; Tại khoản 1 Điều 5 Thông tư số 56/2023/TT-BTC giao: *“Hội đồng nhân dân tỉnh quy định các mức chi cụ thể để thực hiện cho phù hợp với tình hình thực tiễn và khả năng cân đối của ngân sách địa phương”.*

Từ căn cứ và thực tiễn nêu trên, việc trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết mới thay thế Nghị quyết số 100/2019/NQ-HĐND và Nghị quyết số 102/2019/NQ-HĐND ngày 16/7/2019 là thực sự cần thiết và đúng với quy định của pháp luật hiện nay.

**II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG VĂN BẢN**

**1. Mục đích**

- Đảm bảo thực hiện đúng quy định của Luật ngân sách nhà nước, chủ trương của Đảng và Nhà nước về thực hành tiết kiệm chống lãng phí; Phân cấp của Bộ Tài chính cho HĐND tỉnh quy định mức chi bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Sơn La.

- Cụ thể hóa mức chi bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Sơn La, đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp, thống nhất, đồng bộ của hệ thống văn bản quy phạm pháp luật và phù hợp với điều kiện thực tiễn của tỉnh; tăng cường tính chủ động, linh hoạt trong quản lý tài chính đối với các đơn vị thực hiện cơ chế tự chủ.

**2. Quan điểm xây dựng văn bản**

Trình kỳ họp thứ tám - HĐND tỉnh (Khoá XV) ban hành Nghị quyết "Quy định mức chi bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Sơn La" thay thế Nghị quyết số 100/2019/NQ-HĐND và Nghị quyết số 102/2019/NQ-HĐND ngày 16/7/2019 của HĐND tỉnh đảm bảo phù hợp với nội dung phân cấp của Bộ Tài chính và khả năng cân đối ngân sách của địa phương.

**III. BỐ CỤC VÀ NGUỒN LỰC THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT**

**1. Bố cục của Nghị quyết**

Nghị quyết số 70/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định mức chi bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Sơn La bao gồm 03 điều, cụ thể:

Điều 1. Quy định mức chi bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Sơn La *(Có phụ lục chi tiết kèm theo).*

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. UBND tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực HĐND, các Ban của HĐND, các Tổ đại biểu HĐND và đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 100/2019/NQ-HĐND ngày 16/7/2019 của HĐND tỉnh quy định mức chi thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và chuẩn tiếp cận pháp luật của người dân tại cơ sở trên địa bàn tỉnh và Nghị quyết số 102/2019/NQ-HĐND ngày 16/7/2019 của HĐND tỉnh quy định mức chi thực hiện công tác hòa giải ở cơ sở trên địa bàn tỉnh.

2. Các nội dung và mức chi khác liên quan đến công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở không quy định tại Nghị quyết này thực hiện theo quy định tại Thông tư số 56/2023/TT-BTC ngày 18/8/2023 của Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở và các chế độ, tiêu chuẩn, định mức quy định hiện hành của Trung ương và địa phương.

3. Khi các văn bản dẫn chiếu để áp dụng tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

**2. Nguồn lực thực hiện Nghị quyết**

- Phương án ngân sách: Với mức chi dự kiến trình, phương án ngân sách mỗi năm khoảng 5.124 triệu đồng/năm, tăng thêm 625 triệu đồng/năm so với Nghị quyết số 100/2019/NQ-HĐND và Nghị quyết số 100/2019/NQ-HĐND ngày 16/7/2019 của HĐND tỉnh, mức chi này đảm bảo khả năng cân đối ngân sách tỉnh.

**-** Nguồn kinh phí: Kinh phí bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở được bố trí trong dự toán ngân sách chi thường xuyên hàng năm của các cơ quan, đơn vị, UBND các huyện, thành phố theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước.

**IV. NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA NGHỊ QUYẾT**

Nghị quyết 70/2023/NQ-HĐND quy định 18 nội dung chi, cụ thể:

**1.** Chi công tác phí cho những người đi công tác, kiểm tra, giám sát, bao gồm cả báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật, người được mời tham gia phổ biến, giáo dục pháp luật, cộng tác viên, chuyên gia tham gia đánh giá chuẩn tiếp cận pháp luật, hòa giải viên; chi tổ chức các cuộc họp (bao gồm cả cuộc họp bầu hòa giải viên, bầu tổ trưởng tổ hòa giải), hội nghị chuyên đề, hội nghị tổng kết, sơ kết, triển khai công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở, các Chương trình, đề án, kế hoạch.

**2.** Chi tổ chức đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng kiến thức pháp luật, nghiệp vụ, kỹ năng phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật, hoà giải ở cơ sở cho cán bộ, công chức, viên chức; báo cáo viên pháp luật; tuyên truyền viên pháp luật và người được mời tham gia phổ biến, giáo dục pháp luật; hoà giải viên ở cơ sở; người làm công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, già làng, trưởng bản, người có uy tín trong cộng đồng các dân tộc thiểu số theo khoản 3 Điều 17 Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật; người làm công tác phổ biến, giáo dục pháp luật cho người khuyết tật theo khoản 3 Điều 20 Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật.

**3.** Chi tổ chức cuộc họp đánh giá đạt chuẩn tiếp cận pháp luật của cấp xã

4. Chi ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở; đăng tải thông tin pháp luật, các thông tin khác về hoạt động xây dựng và thực hiện pháp luật, hỏi đáp pháp luật cần thiết cho người dân trên cổng/trang thông tin điện tử sử dụng từ nguồn kinh phí chi thường xuyên; xây dựng và vận hành Tủ sách pháp luật điện tử quốc gia, các dự án, đề án, chương trình ứng dụng công nghệ thông tin, kỹ thuật số, mạng xã hội trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở theo chương trình, dự án, kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

**5.** Chi biên soạn, biên dịch tài liệu phục vụ phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở và thực hiện thông tin, truyền thông trên phương tiện thông tin đại chúng.

**6.** Chi biên soạn một số tài liệu phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở đặc thù

**7.** Chi khen thưởng cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc về phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở thực hiện theo quy định hiện hành về thi đua, khen thưởng

**8.** Chi thực hiện các cuộc điều tra, khảo sát về công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở.

**9.** Chi tiền lương làm việc vào ban đêm, làm thêm giờ, thực hiện theo quy định của Bộ luật Lao động và các văn bản hướng dẫn thi hành luật.

**10.** Chi xây dựng chương trình, đề án, kế hoạch phổ biến giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở và truyền thông chính sách có tác động lớn đến xã hội trong quá trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật; các văn bản quản lý, chỉ đạo, hướng dẫn chương trình, đề án, kế hoạch của Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật, Hội đồng đánh giá chuẩn tiếp cận pháp luật, Ban chỉ đạo các chương trình, đề án, kế hoạch

**11.** Chi thù lao

**12.** Chi xây dựng và duy trì sinh hoạt Câu lạc bộ pháp luật, nhóm nòng cốt

**13.** Chi tổ chức cuộc thi, hội thi:

**14.** Chi thực hiện báo cáo thống kê về hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở

**15.** Chi kiểm tra, giám sát, đánh giá theo định kỳ hoặc đột xuất về công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở

**16.** Các khoản chi khác có liên quan trực tiếp đến công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở (nếu có), theo chứng từ chi thực tế hợp pháp được cấp có thẩm quyền phê duyệt trong dự toán ngân sách hàng năm

**17.** Các khoản chi công tác hòa giải ở cơ sở

**18.** Chi kiểm tra, xử lý, rà soát hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở

**V. QUY ĐỊNH ĐỊNH MỨC CHI ĐẢM BẢO CHO CÔNG TÁC PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT VÀ HÒA GIẢI Ở CƠ SỞ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH SƠN LA**

Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết số 70/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh đã quy định chi tiết mức chi bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở, như sau:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung chi** | **Đơn vị tính** | **Mức chi (Nghìn đồng)** | | |
| **Cấp tỉnh** | **Cấp huyện** | **Cấp xã** |
| **1** | Chi công tác phí cho những người đi công tác, kiểm tra, giám sát, bao gồm cả báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật, người được mời tham gia phổ biến, giáo dục pháp luật, cộng tác viên, chuyên gia tham gia đánh giá chuẩn tiếp cận pháp luật, hòa giải viên; chi tổ chức các cuộc họp (bao gồm cả cuộc họp bầu hòa giải viên, bầu tổ trưởng tổ hòa giải), hội nghị chuyên đề, hội nghị tổng kết, sơ kết, triển khai công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở, các Chương trình, đề án, kế hoạch |  | Nội dung và mức chi thực hiện theo Nghị quyết số 60/2017/NQ-HĐND ngày 10/12/2017 của HĐND tỉnh quy định mức chi công tác phí, chế độ chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Sơn La. | | |
| **2** | Chi tổ chức đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng kiến thức pháp luật, nghiệp vụ, kỹ năng phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật, hoà giải ở cơ sở cho cán bộ, công chức, viên chức; báo cáo viên pháp luật; tuyên truyền viên pháp luật và người được mời tham gia phổ biến, giáo dục pháp luật; hoà giải viên ở cơ sở; người làm công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, già làng, trưởng bản, người có uy tín trong cộng đồng các dân tộc thiểu số theo khoản 3 Điều 17 Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật; người làm công tác phổ biến, giáo dục pháp luật cho người khuyết tật theo khoản 3 Điều 20 Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật |  | Nội dung và mức chi đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 88/2018/NQ-HĐND ngày 08/12/2018 của HĐND tỉnh quy định một số mức chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức trên địa bàn tỉnh Sơn La, Nghị quyết số 60/2023/NQ-HĐND ngày 20/7/2023 của HĐND tỉnh Sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại phụ lục kèm theo khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 88/2018/NQ-HĐND ngày 08/12/2018 của HĐND tỉnh quy định một số mức chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức trên địa bàn tỉnh. | | |
| Nội dung và mức chi hỗ trợ tiền ăn, tiền thuê phòng nghỉ, tiền phương tiện đi lại đối với học viên là đại biểu ở cấp xã thực hiện theo mức chi hỗ trợ đối với đại biểu là khách mời không trong danh sách trả lương của cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và doanh nghiệp quy định tại mục 2 Phụ lục kèm theo Nghị quyết số 60/2017/NQ-HĐND ngày 10/12/2017 của HĐND tỉnh quy định mức chi công tác phí, chế độ chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Sơn La. | | |
| **3** | Chi tổ chức họp báo, hội thảo, tọa đàm trao đổi kinh nghiệm phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở, giải pháp thực hiện chương trình, đề án, hoạt động của Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật trung ương; bộ, cơ quan ngang bộ; cấp tỉnh; cấp huyện; Hội đồng đánh giá chuẩn tiếp cận pháp luật cấp huyện, Ban chỉ đạo các chương trình, đề án về phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở (bao gồm: Chi tổ chức các cuộc hội thảo, các phiên họp định kỳ, đột xuất của Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật, Tổ Thư ký giúp việc Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật, Ban chỉ đạo, họp tư vấn, thẩm định của Hội đồng đánh giá chuẩn tiếp cận pháp luật cấp huyện) |  | Nội dung và mức chi thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 68/2023/NQ-HĐND ngày 04/10/2023 của HĐND tỉnh Sơn La quy định định mức xây dựng dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Sơn La. | | |
| Chi tổ chức cuộc họp đánh giá đạt chuẩn tiếp cận pháp luật của cấp xã |  | Nội dung và mức chi chủ trì và các thành viên tham dự thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 6 Điều 4 Thông tư số 338/2016/TT-BTC ngày 28/12/2016 của Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 1 Thông tư số 42/2022/TT-BTC ngày 06/7/2022 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 338/2016/TT-BTC ngày 28/12/2016 của Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật). | | |
| **4** | Chi ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở; đăng tải thông tin pháp luật, các thông tin khác về hoạt động xây dựng và thực hiện pháp luật, hỏi đáp pháp luật cần thiết cho người dân trên cổng/trang thông tin điện tử sử dụng từ nguồn kinh phí chi thường xuyên; xây dựng và vận hành Tủ sách pháp luật điện tử quốc gia, các dự án, đề án, chương trình ứng dụng công nghệ thông tin, kỹ thuật số, mạng xã hội trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở theo chương trình, dự án, kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt |  | Nội dung và mức chi thực hiện theo quy định tại Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05/9/2019 của Chính phủ quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước và quy định của pháp luật có liên quan; các định mức kinh tế - kỹ thuật trong lĩnh vực thông tin và truyền thông. | | |
| **5** | Chi biên soạn, biên dịch tài liệu phục vụ phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở và thực hiện thông tin, truyền thông trên phương tiện thông tin đại chúng: | | | | |
| **a** | Chi biên soạn tài liệu (hoặc bài giảng) giới thiệu Luật, Pháp lệnh; thông cáo báo chí, sách, đặc san, tài liệu chuyên đề pháp luật, tài liệu tham khảo, hướng dẫn nghiệp vụ phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở để phát hành hoặc đăng tải trên cổng/trang thông tin điện tử và biên soạn chương trình giáo dục pháp luật, sách, tài liệu tham khảo, hướng dẫn giáo dục pháp luật trong nhà trường |  | Nội dung và mức chi thực hiện theo quy định tại Thông tư số 76/2018/TT-BTC ngày 17/8/2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn nội dung, mức chi xây dựng chương trình đào tạo, biên soạn giáo trình môn học đối với giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp. | | |
| **b** | Chi biên soạn đồ họa thông tin pháp luật |  | Nội dung và mức chi thực hiện theo quy định tại Thông tư số 83/2021/TT-BTC ngày 04/10/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí tập huấn, bồi dưỡng giáo viên và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục để thực hiện chương trình mới, sách giáo khoa mới giáo dục phổ thông. | | |
| **c** | Chi biên soạn sách nói pháp luật |  | Nội dung và mức chi thực hiện theo quy định tại Nghị định số 18/2014/NĐ-CP ngày 14 tháng 3 năm 2014 của Chính phủ về chế độ nhuận bút trong lĩnh vực báo chí xuất bản. | | |
| **-** | Chi biên soạn bài giảng điện tử |  | Nội dung và mức chi thực hiện theo quy định tại Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025. | | |
| **d** | Chi xây dựng chương trình, chuyên mục; in ấn các ấn phẩm, tài liệu; sản xuất, phát hành các băng rôn, khẩu hiệu, băng, đĩa để phục vụ công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở; thực hiện truyền thông trên báo, tạp chí, đài truyền hình, tập san, bản tin, thông tin lưu động, triển lãm chuyên đề, làm bảng thông tin và hộp tin |  | Nội dung và mức chi thực hiện theo định mức, đơn giá của các ngành có công việc tương tự và theo chứng từ chi thực tế hợp pháp được cấp có thẩm quyền phê duyệt trong dự toán ngân sách hàng năm. | | |
| **đ** | Chi biên dịch các tài liệu phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở (bao gồm cả tiếng dân tộc thiểu số được hiểu là ngôn ngữ không phổ thông): | | | | |
| **-** | Dịch tài liệu tiếng nước ngoài sang tiếng Việt |  | 150.000 đồng/trang (350 từ/trang tài liệu được dịch). | | |
| **-** | Dịch tài liệu tiếng Việt sang tiếng nước ngoài |  | 180.000 đồng/trang (350 từ/trang tài liệu được dịch). | | |
| **-** | Dịch tài liệu tiếng Việt sang tiếng dân tộc thiểu số |  | 150.000 đồng/trang (350 từ/trang tài liệu được dịch). | | |
| **6** | Chi biên soạn một số tài liệu phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở đặc thù: | | | | |
| **a** | Tờ gấp pháp luật (bao gồm biên soạn, biên tập, thẩm định) | Tờ gấp đã hoàn thành | 1,100 | 900 | 700 |
| **b** | Tình huống giải đáp pháp luật (bao gồm biên soạn, biên tập, thẩm định) | Tình huống đã hoàn thành | 340 | 270 | 170 |
| **c** | Câu chuyện pháp luật (bao gồm biên soạn, biên tập, thẩm định) | Câu chuyện đã hoàn thành | 1,700 | 1,400 | 1,000 |
| **d** | Tiểu phẩm pháp luật (bao gồm biên soạn, biên tập, thẩm định, lấy ý kiến chuyên gia) | Tiểu phẩm đã hoàn thành | 5,600 | 4,500 | 3,400 |
| **7** | Chi khen thưởng cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc về phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở thực hiện theo quy định hiện hành về thi đua, khen thưởng. | | | | |
| **8** | Chi thực hiện các cuộc điều tra, khảo sát về công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở |  | Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết 14/2016/NQ-HĐND ngày 14/12/2016 của HĐND tỉnh quy định nội dung, mức chi các cuộc điều tra thống kê trên địa bàn tỉnh Sơn La; Thông tư số 109/2016/TT-BTC ngày 30/6/2016 của Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc điều tra thống kê, Tổng điều tra thống kê quốc gia và Thông tư số 37/2022/TT-BTC ngày 22/6/2022 sửa đổi, bổ sung khoản 9 Điều 3 và Mẫu số 01 kèm theo Thông tư số 109/2016/TT-BTC ngày 30/6/2016 của Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc điều tra thống kê, Tổng điều tra thống kê quốc gia. | | |
| **9** | Chi tiền lương làm việc vào ban đêm, làm thêm giờ, thực hiện theo quy định của Bộ luật Lao động và các văn bản hướng dẫn thi hành luật. | | | | |
| **10** | Chi xây dựng chương trình, đề án, kế hoạch phổ biến giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở và truyền thông chính sách có tác động lớn đến xã hội trong quá trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật; các văn bản quản lý, chỉ đạo, hướng dẫn chương trình, đề án, kế hoạch của Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật, Hội đồng đánh giá chuẩn tiếp cận pháp luật, Ban chỉ đạo các chương trình, đề án, kế hoạch, gồm: | | | | |
| **a** | Xây dựng đề cương: | | | | |
|  | Xây dựng đề cương chi tiết | Đề cương | 1,200 | 1,050 | 900 |
|  | Tổng hợp hoàn chỉnh đề cương tổng quát | Đề cương | 2,000 | 1,800 | 1,500 |
| **b** | Soạn thảo chương trình, đề án, kế hoạch: | | | | |
|  | Soạn thảo Chương trình, Đề án, Kế hoạch | Chương trình, Đề án, Kế hoạch | 3,000 | 2,400 | 1,800 |
|  | Soạn thảo báo cáo tiếp thu, tổng hợp ý kiến | Báo cáo | 500 | 400 | 300 |
| **c** | Tổ chức họp, tọa đàm góp ý: | | | | |
|  | Chủ trì | Người/buổi | 150 | 90 | 70 |
|  | Thành viên dự | Người/buổi | 100 | 60 | 50 |
| **d** | Ý kiến tư vấn chuyên gia | Văn bản | 500 | 400 | 300 |
| **đ** | Xét duyệt Chương trình, Đề án, Kế hoạch | | | | |
|  | Chủ tịch hội đồng | Người/buổi | 200 | | |
|  | Thành viên hội đồng, thư ký | Người/buổi | 150 | | |
|  | Đại biểu được mời tham dự | Người/buổi | 100 | | |
|  | Nhận xét, phản biện của Hội đồng | Bài viết | 300 | 240 | 200 |
|  | Bài nhận xét của ủy viên Hội đồng | Bài viết | 200 | 180 | 150 |
| **e** | Lấy ý kiến thẩm định: Trường hợp không thành lập hội đồng xét duyệt Chương trình, Đề án, Kế hoạch | Bài viết | 500 | 400 | 300 |
| **g** | Xây dựng các văn bản quản lý, chỉ đạo, hướng dẫn Chương trình, Đề án, Kế hoạch | Văn bản | 500 | 400 | 300 |
| **11** | Chi thù lao: | | | | |
| **a** | Thù lao báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật, hoà giải viên cơ sở, người được mời tham gia thực hiện phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở; hướng dẫn sinh hoạt chuyên đề Câu lạc bộ pháp luật, nhóm nòng cốt với tư cách là giảng viên |  | Thực hiện theo chế độ thù lao giảng viên quy định tại điểm 1, mục II Phụ lục kèm theo Nghị quyết số 88/2018/NQ-HĐND ngày 08/12/2018 của HĐND tỉnh quy định một số mức chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức trên địa bàn tỉnh. Trường hợp thực hiện phổ biến giáo dục pháp luật cho các đối tượng đặc thù theo quy định tại các Điều 17, 18, 19, 20, 21, 22 của Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật được hưởng thêm 20% mức thù lao được nhận. | | |
| **b** | Thù lao huy động chuyên gia, nhà khoa học, nhà hoạt động thực tiễn tham gia triển khai các nhiệm vụ của Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật |  | Nội dung và mức chi theo quy định tại Thông tư số 02/2015/TT-BLĐTBXH ngày 12/01/2015 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định mức lương đối với chuyên gia tư vấn trong nước làm cơ sở dự toán gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn áp dụng hình thức hợp đồng theo thời gian sử dụng vốn nhà nước. Danh sách chuyên gia, nhà khoa học, nhà hoạt động thực tiễn được chi trả thù lao huy động do người có thẩm quyền quy định tại Điều 3 Quyết định số 21/2021/QĐ-TTg ngày 21/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về thành phần và nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật quyết định. | | |
| **12** | Chi xây dựng và duy trì sinh hoạt Câu lạc bộ pháp luật, nhóm nòng cốt: | | | | |
| **a** | Chi hỗ trợ tiền ăn, nước uống cho thành viên tham gia hội nghị ra mắt Câu lạc bộ pháp luật |  | 40.000 đồng/người/ngày (không quá 1 ngày) | | |
| **b** | Chi tiền nước uống cho người dự sinh hoạt Câu lạc bộ pháp luật, nhóm nòng cốt |  | 20.000 đồng/người/buổi. | | |
| **13** | Chi tổ chức cuộc thi, hội thi: | | | | |
| **a** | Chi tổ chức cuộc thi, hội thi viết, thi sân khấu, trên internet về tìm hiểu pháp luật, nghiệp vụ phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở, bao gồm: | | | | |
| **-** | Chi hỗ trợ tiền ăn, ở cho thành viên ban tổ chức, các ban, tiểu ban, hội đồng trong những ngày tham gia trực tiếp tổ chức cuộc thi theo quyết định của cấp có thẩm quyền; Chi hỗ trợ tiền ăn, ở cho thí sinh tham gia cuộc thi (kể cả ngày tập luyện và thi, tối đa không quá 10 ngày). Cán bộ, công chức, viên chức đã được hưởng khoản hỗ trợ tiền ăn, ở thì không được thanh toán công tác phí ở cơ quan. |  | Nội dung và mức chi thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 60/2017/NQ-HĐND ngày 10/12/2017 của HĐND tỉnh quy định mức chi công tác phí, chế độ chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Sơn La. | | |
| **-** | Chi tổ chức cuộc thi, hội thi sân khấu, thi trên mạng internet, thi trên sóng phát thanh - truyền hình có thêm chi thuê dẫn chương trình, thuê diễn văn nghệ lồng ghép tiểu phẩm pháp luật; chi phí hậu kỳ, hội trường, trang thiết bị và các khoản chi khác phục vụ cuộc thi |  | Nội dung và mức chi thực hiện theo quy định tại điểm c khoản này và theo chứng từ chi thực tế hợp pháp được cấp có thẩm quyền phê duyệt trong dự toán ngân sách hàng năm. | | |
| **b** | Chi biên soạn đề thi, xây dựng ngân hàng câu hỏi thi, bồi dưỡng thành viên ban tổ chức, các ban, tiểu ban, hội đồng và một số nội dung chi khác để phục vụ tổ chức cuộc thi: | | | | |
| **b1** | Chi biên soạn đề thi, đáp án (bao gồm cả đề thi, đáp án, biểu điểm) | Người/ngày | 550 | | |
| **b2** | Chi bồi dưỡng Ban giám khảo, Ban tổ chức: | | | | |
|  | Trưởng ban | Người/ngày | 340 | | |
|  | Phó ban | Người/ngày | 290 | | |
|  | Thành viên, thư ký | Người/ngày | 240 | | |
|  | Bảo vệ | Người/ngày | 130 | | |
|  | Nhân viên y tế, phục vụ | Người/ngày | 55 | | |
| **c** | Chi tổ chức cuộc thi sân khấu, thi trên Internet, có thêm mức chi đặc thù sau: | | | | |
|  | - Thuê dẫn chương trình: |  | Tùy theo quy mô, cấp tổ chức, cơ quan, đơn vị được giao chủ trì tổ chức cuộc thi quyết định mức thuê dẫn chương trình. | | |
|  | - Thuê hội trường và thiết bị phục vụ cuộc thi sân khấu: |  | Tùy theo quy mô, cấp tổ chức, địa bàn tổ chức cuộc thi, cơ quan, đơn vị được giao chủ trì tổ chức cuộc thi quyết định mức thuê hội trường và thiết bị. | | |
|  | - Thuê văn nghệ, diễn viên | Người/ngày | 340 | 270 | 200 |
|  | - Thu thập thông tin, tư liệu, lập hệ cơ sở dữ liệu tin học hoá (đối với cuộc thi qua mạng điện tử) |  | Nội dung và mức chi thực hiện theo quy định tại Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05/9/2019 của Chính phủ quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước và quy định của pháp luật có liên quan; Thông tư số 18/2021/TT-BTTTT ngày 30/11/2021 của Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật hoạt động báo in, báo điện tử; Thông tư số 42/2020/TT-BTTTT ngày 31/12/2020 của Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật hoạt động xuất bản, các định mức kinh tế - kỹ thuật, đơn giá được cơ quan có thẩm quyền ban hành và các chế độ, định mức chi tiêu quy định hiện hành của cơ quan Nhà nước. | | |
| **d** | Chi giải thưởng: | | | | |
| **d1** | Giải nhất |  |  |  |  |
| **-** | Tập thể | Giải thưởng | 11,000 | 9,000 | 6,700 |
| **-** | Cá nhân | Giải thưởng | 6,700 | 5,000 | 4,000 |
| **d2** | Giải nhì |  |  |  |  |
| **-** | Tập thể | Giải thưởng | 8,000 | 6,000 | 4,500 |
| **-** | Cá nhân | Giải thưởng | 3,400 | 2,700 | 2,000 |
| **d3** | Giải ba |  | | | |
| **-** | Tập thể | Giải thưởng | 5,500 | 4,500 | 3,400 |
| **-** | Cá nhân | Giải thưởng | 2,200 | 1,700 | 1,100 |
| **d4** | Giải khuyến khích |  |  |  |  |
| **-** | Tập thể | Giải thưởng | 3,400 | 2,700 | 2,000 |
| **-** | Cá nhân | Giải thưởng | 1,100 | 900 | 670 |
| **đ** | Giải phụ khác | Giải thưởng | 560 | 450 | 340 |
| **14** | Chi thực hiện báo cáo thống kê về hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở: | | | | |
| **a** | Thu thập thông tin, xử lý số liệu báo cáo của địa phương | Báo cáo | 75 | | |
| **b** | Viết báo cáo | | | | |
|  | Báo cáo của địa phương | Báo cáo | 3,400 | 2,700 | 2,000 |
| **15** | Chi kiểm tra, giám sát, đánh giá theo định kỳ hoặc đột xuất về công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở |  | Nội dung và mức chi thực hiện theo quy định tại Thông tư số 06/2007/TT-BTC ngày 26/01/2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập dự toán, quản lý và sử dụng kinh phí bảo đảm cho công tác kiểm tra việc thực hiện chính sách, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch và Nghị quyết số 60/2017/NQ-HĐND ngày 10/12/2017 của HĐND tỉnh quy định mức chi công tác phí, chế độ chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Sơn La. | | |
| Đoàn công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá liên ngành, liên cơ quan: Cơ quan, đơn vị chủ trì đoàn công tác chịu trách nhiệm bảo đảm chi phí cho chuyến công tác theo chế độ quy định. Để tránh chi trùng lặp, cơ quan, đơn vị chủ trì đoàn công tác thông báo bằng văn bản (trong giấy mời, triệu tập) cho cơ quan, đơn vị cử người đi công tác không phải thanh toán các khoản chi này. | | | | |
| **16** | Các khoản chi khác có liên quan trực tiếp đến công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở (nếu có), theo chứng từ chi thực tế hợp pháp được cấp có thẩm quyền phê duyệt trong dự toán ngân sách hàng năm. | | | | |
| **17** | Các khoản chi công tác hòa giải ở cơ sở: | | | | |
| **a** | Chi thù lao cho hòa giải viên (đối với các hòa giải viên trực tiếp tham gia vụ, việc hòa giải) |  | 220.000 đồng/vụ, việc. | | |
|  | Trường hợp vụ, việc hòa giải thành theo Điều 24 Luật Hòa giải ở cơ sở |  | 300.000 đồng/vụ, việc. | | |
| **b** | Hỗ trợ chi phí y tế cho việc cứu chữa, phục hồi sức khỏe và chức năng bị mất hoặc giảm sút đối với hòa giải viên bị tai nạn trong khi thực hiện hoạt động hòa giải ở cơ sở (bao gồm cả trường hợp hòa giải viên bị tai nạn được cứu chữa, bồi dưỡng, chăm sóc trước khi chết) được thực hiện như sau: | | | | |
| **-** | Đối với người bị tai nạn có tham gia bảo hiểm y tế |  | Thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo hiểm y tế | | |
| **-** | Đối với người bị tai nạn không tham gia bảo hiểm y tế |  | Thực hiện theo quy định tại điểm đ, khoản 1 Điều 22 của Luật bảo hiểm y tế (được sửa đổi, bổ sung năm 2014) | | |
| **c** | Hỗ trợ thu nhập thực tế bị mất hoặc bị giảm sút đối với hòa giải viên bị tai nạn trong thời gian cứu chữa, phục hồi sức khỏe và chức năng bị mất hoặc giảm sút |  | Thực hiện theo quy định tại Điều 4, Thông tư liên tịch số 02/2013/TTLT-BNV-BLĐTBXH-BYT ngày 09/7/2013 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ, Bộ trưởng Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội, Bộ trưởng Bộ Tài chính, Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn quy trình, thủ tục, hồ sơ, mức hỗ trợ người đang trực tiếp tham gia hoạt động chữ thập đỏ bị tai nạn dẫn đến thiệt hại về sức khỏe. | | |
| **d** | Hỗ trợ chi phí mai táng cho người tổ chức mai táng hòa giải viên gặp tai nạn hoặc rủi ro bị thiệt hại về tính mạng trong khi thực hiện hoạt động hòa giải ở cơ sở |  | 05 tháng lương cơ sở | | |
| **đ** | Chi hỗ trợ hoạt động của tổ hòa giải (chi mua văn phòng phẩm, sao chụp tài liệu, nước uống phục vụ các cuộc họp của tổ hòa giải) |  | 110.000 đồng/tổ hòa giải/tháng | | |
| **18** | Chi kiểm tra, xử lý, rà soát hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở |  | Nội dung và mức chi thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 62/2023/NQ-HĐND ngày 20/7/2023 của HĐND tỉnh Quy định mức chi bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Sơn La. | | |

**VI. LẬP DỰ TOÁN, THANH TOÁN VÀ QUYẾT TOÁN KINH PHÍ**

*(Theo Công văn số 5224/STC-TCHCSN ngày 22/12/2023 của Sở Tài Chính về việc hướng dẫn triển khai thực hiện Nghị quyết số 70/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh*)

**1. Lập dự toán kinh phí**

- Các Sở, Ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh: Hàng năm vào thời điểm lập dự toán ngân sách Nhà nước, căn cứ kế hoạch, nhiệm vụ công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở được giao, các chế độ hiện hành của nhà nước, các mức chi quy định tại Nghị quyết số 70/2023/NQ-HĐND lập dự toán, gửi Sở Tài chính tổng hợp, trình UBND tỉnh, trình HĐND tỉnh phê duyệt.

- UBND các huyện, thành phố (gọi tắt là cấp huyện): Hàng năm vào thời điểm lập dự toán ngân sách Nhà nước, chỉ đạo các đơn vị dự toán cấp huyện căn cứ kế hoạch, nhiệm vụ công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở được giao, các chế độ chính sách hiện hành của nhà nước và mức chi tại Nghị quyết số 70/2023/NQ-HĐND lập dự toán, gửi Phòng Tài chính kế hoạch thẩm định, tổng hợp dự toán cùng dự toán chi ngân sách cấp huyện trình UBND cấp huyện phê chuẩn, gửi Sở Tài chính tổng hợp trình UBND tỉnh, HĐND tỉnh phê duyệt.

- UBND các xã, phường, thị trấn (gọi tắt là cấp xã): Hàng năm vào thời điểm lập dự toán ngân sách Nhà nước, căn cứ kế hoạch, nhiệm vụ công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở được giao, các chế độ chính sách hiện hành của nhà nước và mức chi tại Nghị quyết số 70/2023/NQ-HĐND lập dự toán gửi Phòng Tài chính kế hoạch thẩm định, tổng hợp cùng dự toán chi ngân sách cấp xã, trình UBND huyện, thành phố, gửi Sở Tài chính tổng hợp, trình UBND tỉnh, HĐND tỉnh phê duyệt.

**2. Cấp phát kinh phí**

**(2.1)** Căn cứ dự toán ngân sách được cấp có thẩm quyền giao và mức chi quy định tại Điều 1 - Nghị quyết số 70/2023/NQ-HĐND, các đơn vị dự toán thực hiện như sau:

- Cấp tỉnh: Căn cứ dự toán kinh phí chi trả các chế độ đối với công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở được cấp có thẩm quyền giao, trong năm các đơn vị lập, gửi dự toán cho đơn vị dự toán cấp I, tổng hợp gửi Sở Tài chính thông báo điều hành dự toán chi cho đơn vị; các đơn vị dự toán cấp I, đồng thời là đơn vị sử dụng ngân sách lập dự toán chi tiết gửi Sở Tài chính thông báo điều hành dự toán chi sang Kho bạc nhà nước tỉnh.

- Cấp huyện, xã: Căn cứ dự toán kinh phí chi trả các chế độ đối với công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở được cấp có thẩm quyền giao, trong năm các đơn vị lập, gửi dự toán đến cơ quan tài chính tiếp nhận, xử lý và điều hành dự toán theo quy định quản lý điều hành ngân sách địa phương hàng năm.

**(2.2)** Các đơn vị dự toán chịu trách nhiệm tiếp nhận kinh phí, thực hiện chi trả đầy đủ chế độ đối với công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở theo quy định tại Điều 1 - Nghị quyết số 70/2023/NQ-HĐND.

**3. Hồ sơ thanh toán**

Thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước và yêu cầu của Kho bạc Nhà nước.

**4. Quyết toán kinh phí**

- Hàng năm các Sở, Ban, Ngành, các đơn vị dự toán cấp tỉnh (đơn vị dự toán cấp I đồng thời là đơn vị sử dụng ngân sách) có trách nhiệm lập báo cáo quyết toán năm và quyết toán trực tiếp với Sở Tài chính; đơn vị dự toán cấp I thực hiện xét duyệt quyết toán với đơn vị dự toán trực thuộc theo quy định phân cấp quản lý tài chính, Luật ngân sách nhà nước; Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước; Thông tư số 137/2017/TT-BTC ngày 25/12/2017 của Bộ Tài chính quy định xét duyệt, thẩm định, thông báo và tổng hợp quyết toán năm.

- Các đơn vị dự toán cấp huyện, quyết toán trực tiếp với Phòng Tài chính - kế hoạch. Bộ phận tài chính, kế toán cấp xã quyết toán trực tiếp với Phòng Tài chính kế hoạch theo quy định tại Thông tư số 344/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính quy định về quản lý ngân sách xã và các hoạt động tài chính khác của xã, phường, thị trấn, Phòng Tài chính kế hoạch tổng hợp kinh phí trong tổng quyết toán ngân sách cấp huyện và cấp xã trình UBND huyện, thành phố quyết toán với Sở Tài chính theo quy định.

**VII. CÁC VĂN BẢN ÁP DỤNG KHI ĐẢM BẢO MỨC CHI CHO CÔNG TÁC PBGDPL, CHUẨN TIẾP CẬN PHÁP LUẬT VÀ HÒA GIẢI Ở CƠ SỞ**

|  |  |
| --- | --- |
| **STT** | **VĂN BẢN** |
| 1 | Nghị quyết số 70/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh đã quy định chi tiết mức chi bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở |
| 2 | Nghị quyết số 60/2017/NQ-HĐND ngày 10/12/2017 của HĐND tỉnh quy định mức chi công tác phí, chế độ chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Sơn La |
| 3 | Nghị quyết số 88/2018/NQ-HĐND ngày 08/12/2018 của HĐND tỉnh quy định một số mức chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức trên địa bàn tỉnh Sơn La |
| 4 | Nghị quyết số 60/2023/NQ-HĐND ngày 20/7/2023 của HĐND tỉnh Sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại phụ lục kèm theo khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 88/2018/NQ-HĐND ngày 08/12/2018 của HĐND tỉnh quy định một số mức chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức trên địa bàn tỉnh |
| 5 | Nghị quyết số 62/2023/NQ-HĐND ngày 20/7/2023 của HĐND tỉnh Quy định mức chi bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Sơn La |
| 6 | Nghị quyết số 68/2023/NQ-HĐND ngày 04/10/2023 của HĐND tỉnh Sơn La quy định định mức xây dựng dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Sơn La |
| 7 | Thông tư số 338/2016/TT-BTC ngày 28/12/2016 của Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật |
| 8 | Thông tư số 42/2022/TT-BTC ngày 06/7/2022 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 338/2016/TT-BTC ngày 28/12/2016 của Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật |
| 9 | Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05/9/2019 của Chính phủ quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước |
| 10 | Thông tư số 76/2018/TT-BTC ngày 17/8/2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn nội dung, mức chi xây dựng chương trình đào tạo, biên soạn giáo trình môn học đối với giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp |
| 11 | Thông tư số 83/2021/TT-BTC ngày 04/10/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí tập huấn, bồi dưỡng giáo viên và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục để thực hiện chương trình mới, sách giáo khoa mới giáo dục phổ thông |
| 12 | Nghị định số 18/2014/NĐ-CP ngày 14 tháng 3 năm 2014 của Chính phủ về chế độ nhuận bút trong lĩnh vực báo chí xuất bản |
| 13 | Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 |
| 14 | Nghị quyết số 14/2016/NQ-HĐND ngày 14/12/2016 của HĐND tỉnh quy định nội dung, mức chi các cuộc điều tra thống kê trên địa bàn tỉnh Sơn La |
| 15 | Thông tư số 109/2016/TT-BTC ngày 30/6/2016 của Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc điều tra thống kê, Tổng điều tra thống kê quốc gia |
| 16 | Thông tư số 37/2022/TT-BTC ngày 22/6/2022 sửa đổi, bổ sung khoản 9 Điều 3 và Mẫu số 01 kèm theo Thông tư số 109/2016/TT-BTC ngày 30/6/2016 của Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc điều tra thống kê, Tổng điều tra thống kê quốc gia |
| 17 | Thông tư số 02/2015/TT-BLĐTBXH ngày 12/01/2015 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định mức lương đối với chuyên gia tư vấn trong nước làm cơ sở dự toán gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn áp dụng hình thức hợp đồng theo thời gian sử dụng vốn nhà nước |
| 18 | Thông tư số 18/2021/TT-BTTTT ngày 30/11/2021 của Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật hoạt động báo in, báo điện tử |
| 19 | Thông tư số 42/2020/TT-BTTTT ngày 31/12/2020 của Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật hoạt động xuất bản |
| 20 | Thông tư số 06/2007/TT-BTC ngày 26/01/2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập dự toán, quản lý và sử dụng kinh phí bảo đảm cho công tác kiểm tra việc thực hiện chính sách, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch |
| 21 | Thông tư liên tịch số 02/2013/TTLT-BNV-BLĐTBXH-BYT ngày 09/7/2013 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ, Bộ trưởng Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội, Bộ trưởng Bộ Tài chính, Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn quy trình, thủ tục, hồ sơ, mức hỗ trợ người đang trực tiếp tham gia hoạt động chữ thập đỏ bị tai nạn dẫn đến thiệt hại về sức khỏe |
| 22 | Thông tư số 56/2023/TT-BTC ngày 18 tháng 8 năm 2023 của Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở |

*(Có 22 văn bản kèm theo)*